TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2017.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Châu.

2. Nguyễn Văn Lai.

***-Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017. về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Tấn T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập):* Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, tỉnh Long An. Người đại diện hợp pháp ông Lê Hoài N - Chức vụ Phó Giám đốc phụ trách (theo Quyết định số 1401/QĐ-NHCS ngày 16/4/2012 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-5-2017 và trong quá trình xét xử và tại phiên tòa ông Phạm Tấn T trình bày:

Vợ chồng quen biết nhau do tự tìm hiểu có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 25-11-2002, số 30/2002, quyển số 01/2002 tại UBND xã B, huyện M, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình ông T. Thời gian

đầu cuộc sống vợ chồng khá hạnh phúc, đầm ấm. Đến năm 2016 vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn ngày càng nhiều do không hợp tính tình, thường xuyên cãi vả làm cho không khí gia đình nặng nề, vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung với nhau được, nên ông T xin được ly hôn với bà L1. Về con chung có ba con chung tên là Phạm Thị L2, sinh ngày 03-11-1996 và Phạm Nhật H, sinh ngày 28-4-1998 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; Phạm Nhật Q, sinh ngày 16-5-2001, hiện nay con đang sống chung cùng ông T, sau khi ly hôn ông T yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Hiện nay vợ chồng có tài sản chung là 01 căn nhà của chương trình 167, tọa lạc tại ấp S, xã B, huyện M, tỉnh Long An. Căn nhà hiện nay do bà L1 sinh sống. Hai vợ chồng ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản.

Về nợ chung: Hiện tại vợ chồng đang nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, tỉnh Long An như sau: Số tiền theo chương trình cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn tiền gốc 30.000.000đ, vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 10.800.000đ. vay hộ nghèo về nhà ở 8.000.000đ. Nhưng nay Ngân hàng yêu cầu trả phân kỳ nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đã đến kỳ trả là 2.400.000đ và số tiền 30.000.000đ từ Chương trình Hộ gia đình Sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn. Riêng hai khoản nợ vay nước sạch và vệ sinh môi trường và khoản nợ cho vay hộ nghèo về nhà ở thì Ngân hàng đồng ý cho trả theo kỳ mà giữa hai bên đã ký kết hợp đồng. Ông T cũng thống nhất liên đới với bà L1 trả nợ. Tại phiên tòa ông T xin Ngân hàng cho trả số tiền trên đến ngày 21-9-2017.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Bà L1 thống nhất với lời trình bày của ông T. Nay tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa, ông T có đơn xin ly hôn thì bà L1 đồng ý ly hôn**.** Về nuôi con chung bà L1 đồng ý giao con là Phạm Nhật Q, sinh ngày 16/5/2001 cho ông T nuôi dưỡng, bà L1 không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Hai vợ chồng bà L1 không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hiện tại vợ chồng đang nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, tỉnh Long An số tiền theo chương trình cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn tiền gốc 30.000.000đ, vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 10.800.000đ; Vay hộ nghèo về nhà ở 8.000.000đ.

Nhưng nay Ngân hàng yêu cầu trả phân kỳ nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tới kỳ trả là 2.400.000đ; trả số tiền 30.000.000đ từ Chương trình Hộ gia đình Sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn. Bà L1 cũng thống nhất liên đới với ông T trả nợ. Tại phiên tòa bà L1 xin Ngân hàng cho trả số tiền trên đến ngày 21-9-2017.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, tỉnh Long An trình bày:

Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn chương trình Hộ gia đình Sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn gửi Ngân hàng chính sách xã hội huyện M ngày 11-4-2016 của Chủ tịch UBND xã B ngày 17/4/2016 thì ông Phạm Tấn T vay số tiền 30.000.000đ, lãi suất là 0.75%, theo giấy đề nghị vay vốn ngày 08-3-2016, thời hạn vay là 60 tháng, thời hạn trả nợ ngày 17-4-2021. Đến ngày 26-6-2017 dư nợ là 30.000.000đ.

Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn chương trình cho hộ nghèo về nhà ở gửi Ngân hàng chính sách xã hội huyện M ngày 08/11/2011 của Chủ tịch UBND xã B ngày 22-12-2011 thì ông Phạm Tấn T vay số tiền 8.000.000đ, lãi suất là 0.25%, theo giấy đề nghị vay vốn ngày 08-10-2015, thời hạn vay là 120 tháng, thời hạn trả hết nợ ngày 07-11-2021. Đến ngày 26-6-2017 dư nợ là 8.000.000đ.

Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn gửi Ngân hàng chính sách xã hội huyện M ngày 12-10-2015 của Chủ tịch UBND xã B ngày 17-10-2015 thì ông Phạm Tấn T vay số tiền 12.000.000đ, lãi suất là 0.75%, theo giấy đề nghị vay vốn ngày 08-10-2015, thời hạn vay là 60 tháng, thời hạn trả hết nợ ngày 17-11-2020. Đến ngày 26-6-2017 dư nợ là 10.800.000đ.

Nay Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, tỉnh Long An yêu cầu ông T và bà L1 phải liên đới trả hết số tiền của phân kỳ nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 2.400.000đ; số tiền 30.000.000đ từ Chương trình Hộ gia đình Sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn. Tại phiên tòa ông T và bà L1 xin Ngân hàng cho trả số tiền trên đến ngày 21-9-2017, thì Ngân hàng đồng ý. Đối với các phần nợ còn lại thì yêu cầu ông bà trả theo kỳ theo hợp đồng vay giữa hai bên.

Vụ án đã được tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, ông T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà L1, đồng ý nuôi con chung chưa trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung ông T, bà L1 xin được trả dần và được đại diện Ngân hàng chấp nhận.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Phạm Tấn T yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp ly hôn với bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện M, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

[2] Nội dung vụ kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tấn T yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị L1 được bà L1 đồng ý. Do đó nghĩ nên ghi nhận tự nguyện thuận tình ly hôn giữa ông T và bà L1.

Về nuôi con chung: Ông T và bà L1 thống nhất giao con chung là Phạm Nhật Q, sinh ngày 16-5-2001 cho ông T nuôi dưỡng và bà L1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Ông Phạm Tấn T với bà Nguyễn Thị L1 tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, tỉnh Long An yêu cầu ông T và bà L1 phải liên đới trả hết số tiền của phân kỳ nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 2.400.000đ; số tiền 30.000.000đ từ Chương trình Hộ gia đình Sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn và yêu cầu trả trong thời hạn là 02 tháng kể từ ngày 21/7/ 2017 đến ngày 21/9/2017 là phải trả hoàn tất nợ gốc và lãi của khoản nợ vay từ Chương trình Hộ gia đình Sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn là 30.022.500đ và lãi phát sinh đến ngày trả hoàn tất nợ và phân kỳ nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn là 2.421.600đ. Đối với hai khoản nợ vay còn lại là vay vốn chương trình cho hộ nghèo về nhà ở số tiền 8.000.000đ, lãi suất là 0.25%, theo giấy đề nghị vay vốn ngày 08-10-2015, thời hạn vay là 120 tháng, thời hạn trả hết nợ ngày 07-11-2021. Đến ngày 26-6-2017 dư nợ là 8.000.000đ, và vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn gửi Ngân hàng chính sách xã hội huyện Mộc Hoá ngày 12-10-2015 vay số tiền 12.000.000đ, lãi suất là 0.75%. Đến ngày 26-6-2017 dư nợ là 10.800.000đ. Nhưng trả 2.421.600đ thì còn dự nợ là 8.400.000đ yêu cầu ông T, bà L1 trả theo kỳ của hợp đồng vay giữa hai bên đã ký kết. Ông T và bà L1 thừa nhận có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, tỉnh Long An như đơn khởi kiện và lời trình bày của đại diện Ngân hàng và tại phiên tòa hôm nay ông Phạm Tấn T và bà Nguyễn Thị L1 đồng ý liên đới trả số nợ theo yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, tỉnh Long An. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, tỉnh Long An được ông Phạm Tấn T và bà Nguyễn Thị L1 chấp nhận liên đới trả nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận trả nợ của các bên là phù hợp với qui định của pháp luật.

[3] *Về án phí:* Ông Phạm Tấn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Phạm Tấn T với bà Nguyễn Thị L1 phải liên đới chịu án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 55; Điều 58; Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Phạm Tấn T với bà Nguyễn Thị L1 thuận tình ly hôn.

2/ *Về nuôi con chung:* Giao ông Phạm Tấn T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phạm Nhật Q, sinh ngày 16-5-2001 và bà Nguyễn Thị L1 không phải cấp dưỡng nuôi con do ông T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn bà L1 có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ *Về chia tài sản chung:* Ông Phạm Tấn T với bà Nguyễn Thị L1 tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ *Về nợ chung:* Ông Phạm Tấn T với bà Nguyễn Thị L1 phải liên đới trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, tỉnh Long An số tiền của phân kỳ nước sạch và vệ sinh môi

trường nông thôn gốc và lãi là 2.421.600đ và số tiền vay từ Chương trình Hộ gia đình Sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn gốc và lãi là 30.022.500đ. Tổng cộng hai khoản là 32.444.000đ. Thời hạn trả đến hết ngày 21-9-1017 là hoàn tất số trên.

Việc thi hành án là kể từ ngày Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, tỉnh Long An có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T, bà L1 chưa trả số tiền nêu trên, thì phải chịu lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Khi tính lãi chỉ tính lãi số tiền gốc còn phải thi hành án, mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án và mức lãi áp dụng theo mức lãi suất chậm trả mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng vay.

5/ *Về án phí:*

Ông Phạm Tấn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0003061 ngày 14-6-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ông Phạm Tấn T với bà Nguyễn Thị L1 phải liên đới chịu số tiền án phí sơ thẩm là 1.622.000đ đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (Mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- THADS huyện Mộc Hóa;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khởi

HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA